

Phụ lục 1**BẢNG PHÂN BỐ ĐỐI TƯỢNG, VẮC XIN, VẬT TƯ TIÊM CHỦNG VẮC XIN COVID-19
TIÊM MŨI NHẮC LẠI ĐỢT 6 NĂM 2022***(Kèm theo Kế hoạch số: 841 /KH-VPTTTC ngày 11 tháng 3 năm 2022)*

STT	Địa phương	Đối tượng mũi nhắc lại	Vắc xin (liều)	BKT 1	HAT	Ghi chú
1	Thị xã Bình Long	1,540	1,400	1540	15	
2	Huyện Bù Đăng	6,633	6,030	6633	66	
3	Huyện Bù Đốp	649	590	649	6	
4	Huyện Bù Gia Mập	1,694	1,540	1694	17	
5	Huyện Chơn Thành	1,375	1,250	1375	14	
6	Huyện Đồng Phú	2,783	2,530	2783	28	
7	Thành phố Đồng Xoài	1,474	1,340	1474	15	
8	Huyện Hớn Quản	2,200	2,000	2200	22	
9	Huyện Lộc Ninh	4,015	3,650	4015	40	
10	Huyện Phú Riềng	2,640	2,400	2640	26	
11	Thị xã Phước Long	3,047	2,770	3047	30	
Tổng		28,050	25,500	28,050	281	

PHỤ LỤC 2**BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ TUYỂN TỈNH
TỔ CHỨC TIÊM VẮC XIN COVID-19 MŨI NHẮC LẠI ĐỢT 6 NĂM 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số: 841 /KH-VPTTTC ngày 11 tháng 3 năm 2022)

Số TT	Nội dung chi	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số/lần ngày	Thành tiền
1	Chi hỗ trợ vận chuyển vắc xin						9,500,000
		Công tác phí	người	2	150,000	1	300,000
	Từ Viện Pasteur TP. HCM về tỉnh	Nhiên liệu	lít	200	20,000	1	4,000,000
	Từ tỉnh về huyện	Công tác phí	người	2	100,000	1	200,000
		Nhiên liệu vận chuyển vắc xin 11 huyện/thị	lít	200	20,000	1	4,000,000
	Phí cầu đường		Vé	40	25,000		1,000,000
2	Giám sát tiêm chủng tuyển tỉnh						7,800,000
	- Công tác phí	100,000 đồng/ người	người	6	100,000	3	1,800,000
	- Xăng xe	17 lít/100 km x 1.722km/1 đợt x 20.000đ/lít	km	250	20,000	1	5,000,000
	- Phí cầu đường			40	25,000		1,000,000
	TỔNG CỘNG						17,300,000

(Bằng chữ: Mười bảy triệu, ba trăm ngàn đồng.)

